

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NHÀ NƯỚC VÀO XÂY DỰNG, HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

TS. NGUYỄN LƯƠNG NGỌC

ThS. PHAN THỊ THU HẰNG

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Ngày tiếp nhận: 15/7/2025 Ngày bình duyệt: 20/7/2025 Ngày duyệt đăng: 25/8/2025

• **Tóm tắt:** Trên cơ sở phân tích nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước, bài viết đề xuất các giải pháp tiếp tục vận dụng tư tưởng của Người vào xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong kỷ nguyên mới.

• **Từ khóa:** Tư tưởng Hồ Chí Minh, nhà nước pháp quyền, xã hội chủ nghĩa, Việt Nam

1. Nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước

Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước ở Việt Nam được thể hiện trong các bài nói, bài viết của Người. Nội dung đó thể hiện ở những luận điểm sau:

Thứ nhất, nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; hết lòng chăm lo cho nhân dân

Từ thực tiễn tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh nỗ lực tìm kiếm mô hình nhà nước phù hợp với thực tiễn xã hội Việt Nam. Người nhận thấy mô hình nhà nước Xô viết phù hợp với hoàn cảnh Việt Nam, bởi đây là mô hình nhà nước kiểu mới - nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Trong tác phẩm *Đường Cách Mệnh*, Người phân tích: “Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ

nghĩa Lenin”¹ và “Trong thế giới bây giờ chỉ có cách mệnh Nga là đã thành công, và thành công đến nơi, nghĩa là dân chúng được hưởng cái hạnh phúc tự do, bình đẳng thật, không phải tự do và bình đẳng giả dối như đế quốc chủ nghĩa Pháp khoe khoang bên An Nam. Cách mệnh Nga đã đuổi được vua, tư bản, địa chủ rồi, lại ra sức cho công, nông các nước và dân bị áp bức các thuộc địa làm cách mệnh để đập đổ tất cả đế quốc chủ nghĩa và tư bản trong thế giới”² vì thế cuộc cách mạng Nga lay động dữ dội chí khí của vô sản toàn cầu³. Chủ tịch Hồ Chí Minh làm rõ bản chất của cách mạng Mỹ, cách mạng Pháp, cách mạng Nga, đó là: sau thắng lợi của các cuộc cách mạng ấy đều lập ra nhà nước mới, nhưng nếu nhà nước Mỹ không quan tâm giải quyết vấn đề lao động nô lệ, trong nhà nước Pháp, giai cấp cầm quyền không chỉ phản bội lợi ích của giai cấp vô sản, mà còn gây ra những tội ác trong quá trình xâm lược và thống trị thuộc

địa ở nhiều châu lục, thì chỉ có nhà nước Nga Xô viết là thật sự đem đến ánh sáng và hy vọng cho người lao động. Từ đó, Người đặt niềm tin vào mô hình nhà nước Xô viết và chủ trương xây dựng nhà nước kiểu mới ở Việt Nam theo mô hình đó.

Vì thế, quan điểm về xây dựng nhà nước kiểu mới ở Việt Nam được Người đề xuất ngay trong *Chánh cương vắn tắt* (1930): “Dựng ra Chính phủ công nông binh”⁴ và tiếp tục được đề cập lại trong *Chương trình Việt Minh* (1941): “Chính phủ nhân dân của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Quốc dân đại hội cử lên”⁵. Đây là mô hình nhà nước dân chủ đầu tiên ở Việt Nam - một nước thuộc địa vừa giành độc lập, được Chủ tịch Hồ Chí Minh thiết kế, xây dựng và từng bước được hoàn thiện. Điều đó cho thấy, việc lựa chọn xây dựng nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân không phải ngẫu nhiên mà thể hiện sự tìm tòi, khảo nghiệm kỹ lưỡng của Người trước xu thế vận động, phát triển của cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới.

Không dừng lại ở đó, nhà nước kiểu mới ở Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương xây dựng phải là nhà nước hết lòng chăm lo cho nhân dân. Giá trị cốt lõi của độc lập và tự do không chỉ dừng lại ở việc giành được chủ quyền quốc gia mà phải hướng tới mục tiêu cao nhất là cuộc sống ấm no, hạnh phúc của toàn thể nhân dân. Bởi theo quan điểm của Người: “Chúng ta tranh được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét, thì tự do, độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ”⁶. Chính vì thế, khi Chính phủ mới được thành lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Chính phủ chú trọng thực tế và sẽ nỗ lực làm việc, để tranh thủ quyền độc lập và thống nhất lãnh thổ cùng xây dựng một nước Việt Nam mới”⁷ để “đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”⁸; “Chính

phủ là công bộc của dân vậy. Các công việc của Chính phủ làm phải nhằm vào một mục đích duy nhất là mưu tự do hạnh phúc cho mọi người. Cho nên Chính phủ nhân dân bao giờ cũng phải đặt quyền lợi dân lên trên hết thảy. Việc gì có lợi cho dân thì làm. Việc gì có hại cho dân thì phải tránh”⁹. Để thực hiện được nhiệm vụ đó, nhà nước có trách nhiệm cung cấp các dịch vụ công thiết yếu như giáo dục, y tế, giao thông, điện, nước, vệ sinh môi trường, nhằm đáp ứng nhu cầu cơ bản của người dân và thúc đẩy sự phát triển của xã hội. Trong Công hàm gửi các nước Hoa Kỳ, Vương quốc Anh, Trung Quốc, Liên Xô ngày 18/02/1946, Người viết: “Chỉ ít ngày nữa, 400 đại biểu của cả nước sẽ tổ chức kỳ họp đầu tiên của Quốc hội lập hiến. Một tổ chức chính quyền mới đã thay thế cho chế độ quan lại cũ. Các loại thuế khóa không được dân chúng ủng hộ bị bãi bỏ. Chiến dịch xóa nạn mù chữ được tổ chức dưới những phương thức có hiệu quả đã đem lại những kết quả lạc quan không ngờ. Các trường tiểu học, trung học cũng như đại học đã mở cửa lại để đón ngày càng nhiều học sinh. Hòa bình và trật tự được lập lại và duy trì một cách ổn thỏa”¹⁰.

Thứ hai, xây dựng nhà nước dân chủ và pháp quyền thực sự

Sau khi tuyên bố độc lập ngày 02/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi “toàn thể quốc dân tự do lựa chọn những người có tài, có đức, để gánh vác công việc nước nhà”¹¹. Người nhấn mạnh, trong chế độ mới, “hễ là những người muốn lo việc nước thì đều có quyền ra ứng cử; hễ là công dân thì đều có quyền đi bầu cử. Không chia gái trai, giàu nghèo, tôn giáo, nòi giống, giai cấp, đảng phái, hễ là công dân Việt Nam thì đều có hai quyền đó”¹². Quan điểm trên của Chủ tịch Hồ Chí Minh đưa ra trong bối cảnh đất nước vừa giành được độc lập mang ý nghĩa vô cùng sâu sắc và tiến bộ, thể hiện tầm nhìn vượt thời đại của Người trong việc kiến tạo

một nền dân chủ mới. Vào thời điểm đó, xã hội Việt Nam còn chịu ảnh hưởng nặng nề của chế độ phong kiến với những định kiến sâu sắc về giới tính, đẳng cấp và nguồn gốc, việc Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố quyền ứng cử và bầu cử phổ thông, không phân biệt bất kỳ yếu tố nào, là một cuộc cách mạng tư tưởng và chính trị. Quan điểm tiến bộ này phá bỏ những xiềng xích của chế độ cũ, với sự tập trung quyền lực vào một nhóm nhỏ đặc quyền (như vua chúa, quan lại, địa chủ...). Việc thực thi quyền dân chủ rộng rãi này mở ra một kỷ nguyên mới, nơi mọi công dân đều có tiếng nói và quyền bình đẳng tham gia vào công việc chung của đất nước. Hơn thế nữa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt nền móng cho một nền dân chủ mới, quyền làm chủ thật sự thuộc về nhân dân. Đây không phải là dân chủ hạn chế theo kiểu phương Tây thời bấy giờ (thường chỉ dành cho nam giới, người có tài sản), mà là một nền dân chủ mang tính phổ quát, áp dụng cho mọi công dân Việt Nam. Đồng thời, thông điệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định rằng, người Việt Nam có đầy đủ khả năng và quyền năng để tự định đoạt vận mệnh của mình, không cần sự can thiệp hay áp đặt từ bên ngoài. Chủ tịch Hồ Chí Minh “mong rằng toàn thể quốc dân sẽ hăng hái tham gia cuộc Tổng tuyển cử” để bầu ra Quốc hội, từ đó “Quốc hội sẽ cử ra Chính phủ. Chính phủ đó thật là Chính phủ của toàn dân”¹³.

Những tư tưởng này của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhanh chóng được hiện thực hóa trong cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vào tháng 01/1946. Cuộc tổng tuyển cử đã diễn ra trong điều kiện vô cùng khó khăn (vừa giành độc lập, thù trong giặc ngoài), nhưng đã thành công rực rỡ, chứng minh tính đúng đắn và sức sống của nền dân chủ mới. Tư tưởng ấy đã trở thành kim chỉ nam cho việc xây dựng Hiến pháp và hệ thống pháp luật của Việt Nam sau này, đặc biệt là các điều khoản về quyền

công dân, quyền bầu cử và ứng cử. Trong bài phát biểu bế mạc phiên họp Quốc hội thông qua Hiến pháp năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Sau khi nước nhà mới tự do được 14 tháng, đã làm thành được bản Hiến pháp đầu tiên trong lịch sử nước nhà. Bản Hiến pháp đó còn là một vết tích lịch sử, Hiến pháp đầu tiên trong cõi Á Đông này nữa. Bản Hiến pháp đó chưa hoàn toàn nhưng nó đã làm nên theo một hoàn cảnh thực tế. Hiến pháp đó tuyên bố với thế giới nước Việt Nam đã độc lập. Hiến pháp đó tuyên bố với thế giới biết dân tộc Việt Nam đã có đủ mọi quyền tự do. Hiến pháp đó tuyên bố với thế giới: phụ nữ Việt Nam đã được đứng ngang hàng với đàn ông để được hưởng chung mọi quyền tự do của một công dân. Hiến pháp đó đã nêu một tinh thần đoàn kết chặt chẽ giữa các dân tộc Việt Nam và một tinh thần liêm khiết, công bình của các giai cấp”¹⁴ và “Luật lao động sẽ ấn định giờ làm, tiền công, bảo vệ đàn bà, người già và trẻ con”¹⁵. Những phát biểu của Chủ tịch Hồ Chí Minh về bản Hiến pháp năm 1946 bất hủ hay Luật Lao động và nhiều văn kiện pháp luật khác như những mốc son trong tiến trình xây dựng nhà nước dân chủ, pháp quyền hết lòng hết sức phục vụ nhân dân, vì lợi ích của nhân dân.

Thứ ba, xây dựng nhà nước có quan hệ hữu nghị, hợp tác và cùng có lợi với tất cả các nước trên thế giới, phấn đấu vì một nền hòa bình cho nhân loại

Đây cũng là một trong những tư tưởng cốt lõi và có giá trị vượt thời gian trong hệ thống tư tưởng của Người. Quan điểm này không chỉ thể hiện tầm nhìn chiến lược mà còn phản ánh sâu sắc bản chất nhân văn, yêu chuộng hòa bình của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người luôn khẳng định độc lập, tự chủ là điều kiện tiên quyết để xây dựng quan hệ hữu nghị. Một quốc gia chỉ có thể thiết lập quan hệ bình đẳng, chân thành khi giữ vững độc lập, không bị chi phối hay lệ thuộc vào bất kỳ cường quốc nào. Từ nền tảng độc lập ấy,

Việt Nam mới có thể tự quyết định chính sách đối ngoại, mở rộng quan hệ với các nước. Người chủ trương xây dựng quan hệ quốc tế trên nguyên tắc bình đẳng về chủ quyền, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, tôn trọng thể chế chính trị và lựa chọn phát triển của mỗi quốc gia. Điều này khác biệt hoàn toàn với tư duy cường quyền, bá quyền trong quan hệ quốc tế thời bấy giờ và cả sau này. Khác với lối tư duy “đổi đầu” hay “kẻ thắng người thua” trong quan hệ quốc tế, Chủ tịch Hồ Chí Minh đề cao sự hợp tác chân thành, không vụ lợi. “Cùng có lợi” ở đây không chỉ là lợi ích vật chất mà còn là sự hiểu biết, tin cậy và phát triển chung. Người hiểu rằng, trong một thế giới hội nhập, không một quốc gia nào có thể tự tồn tại và phát triển một cách bền vững nếu không có sự hợp tác. Đây là quan điểm vượt tầm thời đại, rất phù hợp với xu hướng toàn cầu hóa hiện nay.

Chủ tịch Hồ Chí Minh hiểu sâu sắc tầm quan trọng của tính kết nối toàn cầu không chỉ góp phần mang lại sự thành công cho cách mạng Việt Nam, mà còn có thể đóng góp vào sự phát triển chung và nền hòa bình cho nhân dân toàn thế giới. Chính vì vậy, Nhà nước Việt Nam mới cần thiết lập quan hệ hữu nghị với tất cả các nước có thái độ chân thành hợp tác bình đẳng vì nền hòa bình thế giới, thúc đẩy hợp tác kinh tế, thương mại, văn hóa với các quốc gia khác, tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau. Trong *Lời kêu gọi Liên Hợp quốc* (1946), Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “Đối với các nước dân chủ, nước Việt Nam sẵn sàng thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực: a) Nước Việt Nam dành sự tiếp nhận thuận lợi cho đầu tư của các nhà tư bản, nhà kỹ thuật nước ngoài trong tất cả các ngành kỹ nghệ của mình. b) Nước Việt Nam sẵn sàng mở rộng các cảng, sân bay và đường sá giao thông cho việc buôn bán và quá cảnh quốc tế. c) Nước Việt Nam chấp nhận tham gia mọi tổ chức hợp tác kinh tế quốc tế dưới sự lãnh đạo của Liên hợp quốc”¹⁶.

Bên cạnh đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn kêu gọi xây dựng nền hòa bình thế giới. Người luôn khao khát và phấn đấu cho một thế giới hòa bình, không chiến tranh, không áp bức. Chủ tịch Hồ Chí Minh quan niệm hòa bình không chỉ là việc chấm dứt chiến tranh mà còn là một trạng thái phát triển ổn định, thịnh vượng, nơi con người được sống trong tự do, công bằng và hạnh phúc. Người luôn đặt mục tiêu hòa bình lên hàng đầu, dù phải trải qua nhiều cuộc chiến tranh vệ quốc. Người viết: “Thế giới sẽ chỉ có nền hòa bình cuối cùng khi tất cả các dân tộc tự mình thỏa thuận với nhau cùng tiêu diệt con quái vật đế quốc chủ nghĩa ở khắp mọi nơi mà họ gặp nó”¹⁷. Người lên án mạnh mẽ các cuộc chiến tranh xâm lược, bá quyền và ủng hộ nhiệt thành các phong trào đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc trên thế giới. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận thức rõ ràng rằng chủ nghĩa đế quốc là nguy cơ lớn nhất đối với hòa bình thế giới. Mặc dù phải lãnh đạo nhân dân tiến hành các cuộc kháng chiến trường kỳ, Người luôn ưu tiên giải quyết các tranh chấp bằng đàm phán, thương lượng hòa bình, chỉ dùng vũ lực khi không còn lựa chọn nào khác và đó là cuộc chiến tranh chính nghĩa để bảo vệ độc lập, tự do. Minh chứng rõ nhất là việc Người ký kết Hiệp định Sơ bộ 06/3/1946 và Tạm ước 14/9/1946 với Pháp, hay quá trình đàm phán tại Hội nghị Genève năm 1954. Chỉ tính riêng trong năm 1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có 18 thư, điện gửi nhà nước và nhân dân Pháp và 17 thư, điện gửi lãnh tụ và nhân dân thế giới để mong cầu một nền hòa bình cho Việt Nam gắn chặt với nền hòa bình thế giới. Hai chữ “hòa bình” được nhắc đến hàng chục lần, “Nhân dân Việt Nam chỉ muốn có hòa bình, một nền hòa bình thực sự, để kiến thiết quốc gia”¹⁸. Đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, hòa bình không chỉ là mục tiêu mà còn là điều kiện để phát triển. Một nền hòa bình bền vững sẽ tạo ra môi trường thuận lợi cho sự hợp tác quốc tế, giao lưu văn hóa, kinh tế, từ đó thúc đẩy sự tiến bộ chung của nhân loại.

2. Những định hướng nhằm tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước vào xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong kỷ nguyên mới

Bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, Việt Nam đẩy mạnh xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Trong quá trình này, Đảng và Nhà nước tiếp tục quán triệt, nghiên cứu, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước, tập trung vào các nội dung sau:

Thứ nhất, xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, liêm chính, hành động, kiến tạo phát triển

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong kỷ nguyên mới là nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, lợi ích của nhân dân luôn được đặt lên hàng đầu, lấy lợi ích của nhân dân làm trung tâm. Đây không chỉ là mục tiêu lý tưởng mà còn là nguyên tắc xuyên suốt trong quá trình xây dựng và vận hành bộ máy nhà nước. Thực tiễn cho thấy, bên cạnh những thành tựu quan trọng đã đạt được trong công cuộc đổi mới và phát triển đất nước, vẫn còn tồn tại một số yếu tố tiêu cực làm ảnh hưởng đến uy tín của nhà nước và niềm tin của nhân dân. Đó là tình trạng quan liêu, lộng quyền, lạm quyền, tham nhũng - những “căn bệnh” gây tổn hại nghiêm trọng đến lợi ích của nhân dân và sự phát triển bền vững của đất nước.

Để bảo đảm yêu cầu liêm chính, hành động, kiến tạo phát triển, “hết lòng chăm lo cho nhân dân”, Nhà nước tiếp tục phải hoàn thiện về thể chế, tổ chức bộ máy trong sạch, vững mạnh, luôn lấy nhân dân làm trung tâm trong hoạch định và thực thi chính sách; kiên quyết chống lại và loại bỏ các biểu hiện tiêu cực gây hại đến lợi ích của nhân dân và làm suy yếu lòng tin của dân.

Trong bối cảnh hiện nay, khi yêu cầu về một nền quản trị quốc gia hiện đại minh bạch, hiệu quả ngày càng cao, việc loại bỏ các yếu tố tiêu cực và chăm lo tốt hơn nữa lợi ích của nhân dân trở thành nhiệm vụ then chốt. Điều này không chỉ đòi hỏi sự đổi mới mạnh mẽ trong thể chế, chính sách mà còn cần có những giải pháp đồng bộ nhằm nâng cao đạo đức công vụ, trách nhiệm giải trình và tăng cường sự giám sát của nhân dân đối với hoạt động của bộ máy nhà nước. Cụ thể là, cần bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp luật về trách nhiệm giải trình, đặc biệt là trong Luật Phòng, chống tham nhũng và Luật Tiếp cận thông tin. Quy định rõ trách nhiệm, nghĩa vụ và chế tài xử lý đối với các cá nhân, tổ chức không thực hiện đúng trách nhiệm giải trình. Bên cạnh đó, nhanh chóng xây dựng các tiêu chí đánh giá mức độ minh bạch và trách nhiệm giải trình của từng cơ quan, đơn vị, làm cơ sở để giám sát và cải thiện hiệu quả hoạt động. Đẩy mạnh việc công khai các quyết định, chính sách và kết quả thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước trên các kênh truyền thông đại chúng, cổng thông tin điện tử và mạng xã hội. Một điều rất quan trọng, cấp bách hiện nay là phải phát triển các nền tảng số như hệ thống quản lý dữ liệu trực tuyến, ứng dụng di động để người dân dễ dàng tiếp cận thông tin và phản ánh ý kiến. Đồng thời, thiết lập cơ chế tiếp nhận, xử lý và phản hồi ý kiến của người dân một cách nhanh chóng và hiệu quả.

Một nhà nước hết lòng vì dân không thể chỉ là “giữ gìn” mà phải là “phát triển” để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. “Kiến tạo phát triển” là sự vận dụng và cụ thể hóa quan điểm “chăm lo cho nhân dân” trong bối cảnh kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Nhà nước không chỉ quản lý mà còn chủ động tạo ra môi trường thuận lợi, thúc đẩy sự phát triển của đất nước, của doanh nghiệp và của mỗi người dân.

Có thể khẳng định rằng, để một nhà nước thật sự “của dân, do dân, vì dân” và “hết lòng chăm lo cho nhân dân” trong thế kỷ XXI, nó buộc phải là một nhà nước liêm chính (để đảm bảo sự công bằng và loại bỏ tiêu cực) và kiến tạo phát triển (để nâng cao phúc lợi, đời sống cho nhân dân). Nếu không liêm chính, không kiến tạo, thì nhà nước khó có thể thực hiện tốt chức năng “vì dân” của mình.

Thứ hai, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thật sự dân chủ, thượng tôn pháp luật, tinh gọn và hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, cũng như hướng tới mục tiêu phát triển lên một nấc thang mới khi chúng ta kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng vào năm 2030 và 100 năm thành lập Nước vào năm 2045, việc xây dựng một Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thật sự dân chủ, tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực và hiệu quả là yêu cầu cấp thiết đối với sự phát triển bền vững của quốc gia. Công cuộc “sắp xếp lại giang sơn” trong kỷ nguyên mới được đánh dấu bằng sự kiện trọng đại ngày 01/7/2025, hệ thống chính trị vận hành theo mô hình chính quyền hai cấp và thu gọn, sáp nhập tỉnh, sáp nhập xã đã cho thấy quyết tâm chính trị của toàn Đảng, toàn dân. Nhấn mạnh tính hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả trong hoạt động của bộ máy nhà nước là hết sức cần thiết và cấp bách hiện nay. Nó phản ánh mức độ hiệu quả và chất lượng mà các cơ quan nhà nước thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao. Hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả không chỉ liên quan đến việc hoàn thành nhiệm vụ mà còn bao gồm khả năng sử dụng tối ưu nguồn lực (nhân lực, tài chính, thời gian, công nghệ) để đạt được mục tiêu đề ra. Nhà nước cần đảm bảo rằng, mọi chính sách, quyết định và hành động của cơ quan công quyền đều mang lại lợi ích thiết thực cho xã

hội và người dân; đồng thời giảm thiểu lãng phí và thất thoát nguồn lực, nhằm đạt mục tiêu trở thành nước phát triển, thu nhập cao sau hai mươi năm nữa.

Để đạt được điều đó, một hệ thống thể chế rõ ràng, minh bạch và phù hợp với thực tiễn sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực thi chính sách và nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Nếu cơ chế vận hành phức tạp, thiếu tính linh hoạt hoặc chông chéo, sẽ dẫn đến tình trạng trì trệ và kém hiệu quả. Bên cạnh đó, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức đóng vai trò quyết định trong việc thực hiện các nhiệm vụ của nhà nước. Nếu đội ngũ cán bộ thiếu năng lực chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp yếu kém, hoặc không được đào tạo bài bản, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Hơn nữa, việc ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý nhà nước trong bối cảnh thời đại số hiện nay sẽ giúp tăng cường hiệu suất làm việc, giảm thời gian xử lý và nâng cao tính minh bạch. Nếu chúng ta thiếu đầu tư hoặc đầu tư không đồng bộ vào hạ tầng công nghệ có thể dẫn đến sự chậm trễ và lỗi thời trong hoạt động. Ngoài ra, để đảm bảo tính hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả trong hoạt động của nhà nước, việc phân bổ ngân sách hợp lý và minh bạch sẽ là yếu tố then chốt để đảm bảo các hoạt động của nhà nước được duy trì ổn định và bền vững. Sự lãng phí ngân sách hoặc tham nhũng sẽ làm suy giảm hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước.

Quá trình xây dựng và vận hành một Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa vẫn còn nhiều thách thức. Những bất cập trong hệ thống pháp luật, cơ chế thực thi pháp luật chưa đồng bộ, tình trạng “trống đánh xuôi, kèn thổi ngược” vẫn tồn tại, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hiệu quả quản lý nhà nước và niềm tin của nhân dân. Điều này đặt ra

yêu cầu cần phải đổi mới mạnh mẽ cả về thể chế, tổ chức bộ máy và con người để nâng cao hiệu năng, hiệu lực và hiệu quả hoạt động của nhà nước.

Trong bối cảnh hiện nay, việc thực thi dân chủ cần được đảm bảo bằng các cơ chế pháp lý rõ ràng, không chỉ là hình thức. Quyền làm chủ của nhân dân phải được thể hiện và bảo đảm trên thực tế thông qua các hình thức dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện. Đặc biệt, một nhà nước dân chủ đích thực và pháp quyền không thể thiếu nguyên tắc thượng tôn pháp luật. Đây là nguyên tắc cốt lõi của nhà nước pháp quyền hiện đại. Mọi chủ thể trong xã hội, bao gồm cả các cơ quan nhà nước và cán bộ, công chức đều phải tuân thủ và hoạt động trong khuôn khổ pháp luật. Pháp luật phải là tối thượng, là công cụ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân. Đồng thời, để pháp luật thật sự phát huy vai trò trong quản lý xã hội và phục vụ nhân dân, bộ máy nhà nước cần phải hoạt động một cách hiệu năng, hiệu lực và hiệu quả.

Thứ ba, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đề cao giá trị hòa bình và quan hệ hợp tác, hữu nghị với các quốc gia trên thế giới

Đây là sự khẳng định lại và nhấn mạnh tầm quan trọng của tư tưởng Hồ Chí Minh về đối ngoại trong thế kỷ XXI. Trong một thế giới đầy biến động, cạnh tranh chiến lược gay gắt nhưng cũng có sự phụ thuộc lẫn nhau, việc đề cao hòa bình và hợp tác hữu nghị càng trở nên quan trọng hơn. Hòa bình vẫn là mục tiêu tối thượng. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam cần tiếp tục là nhân tố tích cực trong việc duy trì hòa bình, ổn định khu vực và thế giới, giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình, theo đúng luật pháp quốc tế. Hơn nữa, hòa bình và đối thoại cởi mở trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau là con đường để Việt Nam hội nhập sâu rộng, tận dụng cơ hội phát triển, nâng cao vị thế

trên trường quốc tế. Việc hợp tác cần dựa trên nguyên tắc tôn trọng lẫn nhau, bình đẳng và cùng có lợi, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, phù hợp với các chuẩn mực pháp luật quốc tế. Bốn thập kỷ đổi mới với đường lối đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa, Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế; chúng ta đã kế thừa, vận dụng xuất sắc tư tưởng Hồ Chí Minh trong lĩnh vực này và thu được nhiều thành tựu đáng tự hào, tạo nên một nền ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh.

Trong bối cảnh hiện nay, Nhà nước Việt Nam tiếp tục kiên trì, kiên định đường lối đối ngoại mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt nền móng vững chắc để xây dựng “ngoại giao cân bằng”, “ngoại giao chính nghĩa”, “ngoại giao hòa bình” với các nước lớn, các nước anh em, các nước bạn bè truyền thống, các đối tác toàn cầu v.v.

Có thể khẳng định rằng, ba luận điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về nhà nước chính là nền tảng tư tưởng vững chắc, xuyên suốt và có giá trị định hướng để xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong thế kỷ XXI trên một số phương diện vừa đề cập. Các phương diện này không phải là những ý tưởng mới hoàn toàn mà chính là sự kế thừa, cụ thể hóa và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong bối cảnh lịch sử mới, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước và xu thế của thời đại. Đây là minh chứng cho thấy giá trị bền vững và tính ứng dụng của tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa ngày nay. ■

^{1,2} Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.2, tr.289, 304.

^{3,17} Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập*, Sdd, t.1, tr.32, 17.

^{4,5} Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập*, Sdd, t.3, tr.1, 629.

^{6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16} Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập*, Sdd, t.4, tr.175, 481, 187, 21, 208, 153, 153, 153, 491, 477, 523.

¹⁸ Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập*, Sdd, t.5, tr.14.